

TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM - CTCP
VIETNAM STEEL CORPORATION



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2012
(Từ 01/01/2012 đến 31/12/2012)

TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM - CTCP

Trụ sở chính: 91 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 84. 4. 3856 1767

Fax: 84. 4. 3856 1815

Website: www.vnsteel.vn



MỤC LỤC

I. SƠ LƯỢC VỀ TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM - CTCP	2
1. Tên, địa chỉ của Tổng Công ty.....	2
2. Vốn điều lệ.....	2
3. Ngành nghề kinh doanh.....	2
4. Quá trình hình thành và phát triển.....	4
II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	6
1. Những nét nổi bật trong công tác điều hành năm 2012.....	6
2. Những định hướng quan trọng.....	6
III. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	6
1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2012	7
2. Kế hoạch kinh doanh năm 2013.....	7
3. Chiến lược phát triển và tầm nhìn đến năm 2025.....	9
4. Thông tin cổ phần	10
IV. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ	11
1. Sơ đồ tổ chức.....	11
2. Hội đồng Quản trị	11
3. Ban Kiểm soát	14
4. Ban Tổng Giám đốc	17
5. Chính sách phát triển nguồn nhân lực.....	20
V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2012.....	20

I. SƠ LƯỢC VỀ TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM - CTCP

1. Tên, địa chỉ của Tổng Công ty

Tên tiếng Việt: **TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM - CTCP**

Tên tiếng Anh: **VIET NAM STEEL CORPORATION**

Tên viết tắt: **VNSTEEL.CORP**

Địa chỉ: **91 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội**

Điện thoại: **84. 4. 3856 1767**

Fax: **84. 4. 3856 1815**

Website: **www.vnsteel.vn**

2. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ: **6.780.000.000.000 đồng (sáu nghìn bảy trăm tám mươi tỷ đồng)**

Số cổ phần: **678.000.000 cổ phần**

Mệnh giá cổ phần: **10.000 đồng**

3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0100100047 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 05 tháng 02 năm 1996 (đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 29 tháng 9 năm 2011), Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP đăng ký các ngành nghề kinh doanh sau đây:

- Sản xuất sắt, thép, gang;
- Sản xuất sản phẩm chịu lửa;
- Quảng cáo;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Điều hành tour du lịch;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác
- Tái chế phế liệu;
- Khai thác quặng sắt;
- Khai thác than mỡ và các nguyên liệu phụ trợ dùng cho công nghiệp sản xuất thép;
- Bán buôn phế liệu kim loại, cao su, xăng, dầu, mỡ, ga và các loại vật tư phụ tùng, thiết bị phục vụ cho sản xuất thép, xây dựng, giao thông, cơ khí và các ngành công nghiệp khác;

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao;
- Sản xuất hóa chất cơ bản;
- Đại lý du lịch;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động;
- Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);
- Hoạt động của các cơ sở thể thao;
- Xây dựng nhà các loại;
- Phá dỡ;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao;
- Đại lý;
- Hoạt động thể thao khác;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Rèn, dập, ép và cán kim loại, luyện bột kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Sản xuất máy luyện kim;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Dịch vụ logistic;
- Thiết kế, tư vấn thiết kế các công trình sản xuất thép, các công trình công nghiệp và dân dụng;
- Kinh doanh các nguyên nhiên liệu, nhiên liệu cán thép, phế liệu kim loại;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.

4. Quá trình hình thành và phát triển

➤ Thành lập

Tổng công ty được hình thành qua các thời kỳ, gắn liền với sự phát triển của đất nước nói chung và ngành công nghiệp luyện kim nói riêng. Đó là sự kết hợp, sáp nhập, hợp nhất nhiều doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị trong ngành sản xuất thép và kinh doanh kim khí của Nhà nước trong những thập kỷ qua.

Thực hiện Quyết định số 91/TTg ngày 07 tháng 3 năm 1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc thí điểm thành lập Tập đoàn kinh doanh ở một số Bộ quản lý ngành kinh tế - kỹ thuật (gọi tắt là Tổng công ty 91), ngày 29 tháng 4 năm 1995, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 255/TTg thành lập Tổng công ty Thép Việt Nam trên cơ sở hợp nhất Tổng công ty Thép Việt Nam thuộc Bộ Công nghiệp nặng và Tổng công ty Kim khí thuộc Bộ Vật tư.

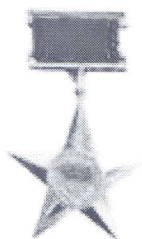
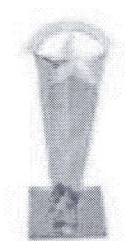
Nhiệm vụ chính của Tổng công ty là xây dựng và phát triển mô hình kinh doanh đa ngành với hoạt động cốt lõi là sản xuất và kinh doanh sản phẩm thép. Hoạt động kinh doanh chính của Tổng công ty bao gồm nhưng không hạn chế khai thác quặng sắt, than mỡ, nguyên liệu trợ dung; sản xuất gang, thép và các kim loại, sản phẩm thép; xuất nhập khẩu thép, vật tư thiết bị và trang thiết bị luyện kim, chuyển giao công nghệ và hỗ trợ kỹ thuật; thiết kế, chế tạo, thi công xây lắp trang thiết bị công trình luyện kim và xây dựng dân dụng; kinh doanh khách sạn, nhà hàng và vật tư tổng hợp; đào tạo nghề, nghiên cứu khoa học công nghệ; đầu tư, liên doanh, liên kết kinh tế và hợp tác lao động với nước ngoài.

➤ Cổ phần hóa

Ngày 31/12/2009, Văn Phòng Chính phủ đã ban hành công văn số 373/TB-VPCP về việc thông báo kết luận của Thủ tướng: “Đồng ý cổ phần hóa Công ty mẹ của Tổng công ty Thép Việt Nam, Nhà nước nắm giữ trên 65% vốn Điều lệ”.

Căn cứ nội dung nêu trên, ngày 15/01/2010 Bộ trưởng Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định số 0256/QĐ-BCT về việc cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Thép Việt Nam. Sau khi có Quyết định cổ phần hóa, Ban Chỉ đạo và Lãnh đạo Tổng công ty Thép Việt Nam đã khẩn trương thực hiện việc xác định giá trị doanh nghiệp và xây dựng phương án cổ phần hóa theo lộ trình đã đề ra.

Ngày 18/4/2011, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 552/QĐ-TTg về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Thép Việt Nam. Thực hiện Quyết định nêu trên, Tổng công ty Thép Việt Nam đã tiến hành bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng và tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần đầu để chuyển thành Tổng công ty cổ phần. Kể từ ngày 29/9/2011, Tổng công ty Thép Việt Nam đã chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100100047 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

CÁC THÀNH TÍCH TIÊU BIỂU CỦA VNSTEEL**Huân chương
Độc lập Hàng Nhất****Huân chương
Độc lập Hàng Nhì****Huân chương
Độc lập Hàng Ba****Anh hùng
LLVT Nhân dân****Giải
Quả Cầu Vàng****Hàng Việt Nam
chất lượng cao****Cúp
Ngôi sao chất lượng****Cúp
Sen vàng****Cúp vàng thương hiệu ngành
xây dựng Việt Nam****Các dấu mốc lịch sử**

- 29/4/1995** Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 255/TTg thành lập Tổng công ty Thép Việt Nam trên cơ sở hợp nhất và sáp nhập nhiều doanh nghiệp, đơn vị trong ngành sản xuất thép, trong đó có Tổng công ty Thép Việt Nam thuộc Bộ Công nghiệp và Tổng công ty Kim khí thuộc Bộ Thương Mại.
- 23/11/2006** Thành lập Công ty mẹ - Tổng công ty Thép Việt Nam.
- 21/6/2007** Thủ tướng phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty mẹ - Tổng công ty Thép Việt Nam.

- 01/7/2007** Chính thức đi vào hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Tổng công ty Thép Việt Nam.
- 31/12/2009** Văn phòng Chính phủ ban hành Công văn số 373/TB-VPCP về việc thông báo kết luận của Thủ tướng: “Đồng ý cổ phần hóa Công ty mẹ của Tổng công ty Thép Việt Nam, Nhà nước nắm giữ trên 65% vốn điều lệ”.
- 15/01/2010** Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Quyết định số 0256/QĐ-BCT về việc cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Thép Việt Nam.
- 29/9/2011** Tổng công ty Thép Việt Nam chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần.

II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Những kết quả trong công tác điều hành năm 2012

- Năm 2012, chế độ họp của Hội đồng quản trị Tổng công ty được thực hiện theo đúng Quy chế làm việc của Hội đồng quản trị và Điều lệ của Tổng công ty. Mặc dù tình hình SXKD gặp rất nhiều khó khăn trong năm 2012, song với tinh thần trách nhiệm cao, Hội đồng quản trị đã có nhiều cố gắng, nỗ lực để lãnh đạo, chỉ đạo Tổng công ty thực hiện nhiệm vụ được giao; Hội đồng quản trị đã tổ chức 10 cuộc họp HĐQT bằng nhiều hình thức, các Nghị quyết của Hội đồng quản trị được ban hành kịp thời, đúng quy định của pháp luật và Điều lệ của Tổng công ty. Qua các cuộc họp HĐQT, đã quyết định các vấn đề chính về Kế hoạch SXKD năm tài chính 2012; Nội dung Đại hội cổ đông năm 2012; Phát hành trái phiếu doanh nghiệp năm 2012 của Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP; Tái cấu trúc doanh nghiệp năm 2012; kKện toàn nhân sự Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty nhiệm kỳ 2011-2015 và bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc Tổng công ty; Đánh giá kết quả SXKD các quý I, II, III và IV, năm 2012 và Kế hoạch SXKD 2013.

- Việc giám sát giúp Ban Điều hành thực hiện đúng Nghị quyết, Quyết định của HĐQT nhưng không ảnh hưởng đến tính chủ động sáng tạo của Ban Điều hành trong việc điều hành Tổng công ty. Trong quá trình giám sát, HĐQT nhận thấy Ban Điều hành đã thực hiện đúng các Quyết định, Nghị quyết của HĐQT, không có vi phạm nào trong việc thực hiện Điều lệ tổ chức & hoạt động của Tổng công ty, quy định của pháp luật.

- Trong năm 2012, Ban Điều hành đã tích cực triển khai các công việc cụ thể về quản lý, kinh doanh như: Tiếp tục củng cố và hoàn thiện bộ máy tổ chức của Tổng công ty; ban hành và triển khai trong toàn hệ thống Tổng công ty Chương trình hành động năm 2012 nhằm triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 03/01/2012 của Chính phủ về những giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2012; Đặc biệt tập trung chỉ đạo thực hiện đồng bộ các giải pháp về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trên tất cả các lĩnh vực.

2. Những định hướng quan trọng

Năm 2013, nền kinh tế toàn cầu nói chung và thị trường thép thế giới nói riêng được dự báo còn nhiều khó khăn thách thức, nhưng khả năng sẽ có nhiều chuyển biến tích cực hơn so với năm 2012.

Chính phủ đã ban hành những chính sách giải cứu nền kinh tế và doanh nghiệp năm 2013 tại các Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 07/01/2013 về những giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2013, trong đó nhấn mạnh đến việc tiếp tục điều hành tài khóa và tiền tệ một cách chặt chẽ, thận trọng nhưng cũng linh hoạt theo diễn biến của nền kinh tế; và Nghị quyết số 02/NQ-CP của Chính phủ ngày 07/01/2013 đã đề ra một số giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, hỗ trợ thị trường, giải quyết nợ xấu trong năm 2013. Ngành công nghiệp thép Việt Nam hoàn toàn có thể kỳ vọng vào việc các chính sách hỗ trợ của Chính phủ sẽ có tác dụng và đạt hiệu quả cao đối với các doanh nghiệp SXKD thép trong năm kế hoạch 2013; trong đó, khai thông thị trường tiêu thụ thép là mục tiêu quan trọng nhất mà các doanh nghiệp ngành thép mong muốn và đang hướng tới với sự hỗ trợ tích cực từ chính sách kinh tế vĩ mô của Nhà nước.

Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty là phát triển bền vững, nâng cao khả năng cạnh tranh, sản xuất kinh doanh hiệu quả nhằm tối đa hóa giá trị lợi ích cho các cổ đông, đóng góp cho ngân sách nhà nước, tạo công ăn việc làm, thu nhập ổn định cho người lao động.

III. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2012

Năm 2012, ngành thép trong nước phải đối mặt với rất nhiều khó khăn, thách thức. Thị trường giá cả nguyên vật liệu thế giới và trong nước biến động mạnh. Giá điện, xăng dầu, giá gas và giá nguyên vật liệu đầu vào cho sản xuất thép liên tục tăng và ở mức cao.

Tổng công ty Thép Việt Nam – CTCP đã tập trung mọi nguồn lực khắc phục khó khăn và đề ra nhiều biện pháp, giải pháp như điều chỉnh chiến lược kinh doanh, kế hoạch đầu tư, đẩy mạnh xuất khẩu, tiết giảm giá thành sản xuất, xây dựng chính sách bán hàng linh hoạt để tăng sức cạnh tranh, giữ vững thị phần.

- Tổng doanh thu năm 2012 đạt 29.213.368 triệu đồng (trong đó Công ty mẹ đạt 14.981.731 triệu đồng, hoàn thành 93 % KH và giảm 4,6 % so với năm 2011).

- Tổng lợi nhuận sau thuế : -343.356 triệu đồng

Mặc dù các chỉ tiêu chủ yếu không đạt được như kế hoạch, tuy nhiên Công ty mẹ - Tổng công ty vẫn đạt được những kết quả đáng khích lệ về công tác tiêu thụ sản phẩm năm 2012. Công ty mẹ - Tổng công ty đã hoàn thành tốt mục tiêu giữ vững thị phần sản phẩm thương hiệu Thép Miền Nam và Thép Tấm lá Phú Mỹ tại thị trường trong và ngoài nước.

Tiêu thụ của Công ty mẹ nói riêng đạt 394.788 tấn thép xây dựng, tăng trưởng 2,1% so với năm 2011.

Theo số liệu của Hiệp hội Thép Việt Nam, thị phần Thép Miền Nam ở thị trường phía Nam: 37,09% năm 2012 so với 36,7% của năm 2011 ; cả nước 14,45% năm 2012 so với 13,56% của năm 2011.

Đối với thị trường xuất khẩu Campuchia, lượng tiêu thụ tăng trưởng mạnh dù bị cạnh tranh với sản phẩm nhập khẩu cùng loại của Trung Quốc, kết quả sản lượng xuất khẩu thép xây dựng của Tổng công ty đạt 126.833 tấn, tăng trưởng 19% so với năm 2011.

Đối với sản phẩm thép dẹt, lượng tiêu thụ của Công ty mẹ đạt 145.123 tấn, tăng trưởng 18,3% so với năm 2011

2. Kế hoạch kinh doanh năm 2013

* Với những diễn biến phức tạp của nền kinh tế trong thời gian tới, vẫn xuất phát từ quan điểm thận trọng và trên cơ sở đánh giá tình hình thị trường thép năm 2013, Tổng công ty Thép Việt Nam đề ra các phương hướng mục tiêu trọng tâm trong năm 2013 như sau:

- Doanh thu: 17.005.000 triệu đồng.
- Lợi nhuận trước thuế: 102.538 triệu đồng.
- **Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013**

STT	Sản lượng
I. Sản lượng sản xuất	550.000
1. Thép cán dài	400.000
2. Thép cán dẹt	150.000
3. Phôi thép	520.000
II. Sản lượng tiêu thụ	594.000
1. Thép cán dài	400.000
2. Thép cán dẹt	150.000

- Tập trung nguồn lực để đẩy nhanh tiến độ và khối lượng thực hiện các dự án trọng điểm đang triển khai như Dự án Nhà máy gang thép Lào Cai và Dự án cải tạo Gang thép Thái Nguyên giai đoạn 2.

* Giải pháp: Ban Tổng giám đốc Tổng công ty đưa ra các giải pháp cụ thể:

- Phát huy tối đa sức mạnh của hệ thống lãnh đạo cấp cao trong Tổng công ty để hoàn thành trách nhiệm đối với cổ đông, người lao động và Nhà nước. Nâng cao hiệu quả của việc phân cấp, ủy quyền trong các công việc cụ thể cho một số vị trí, đơn vị;

- Chủ động trong công tác dự báo về thị trường thép. Đặc biệt tập trung các nguồn thông tin có cơ sở để làm tốt công tác dự báo đối với nguồn nguyên vật liệu cần nhập khẩu; đàm phán để có giá nhập tốt nhất với số lượng đủ cho nhu cầu sản xuất; xây dựng chiến lược với đối tác để tạo cơ hội về giá hợp lý cho sản xuất

- Quản lý hiệu quả chi phí hoạt động bằng cách tiết kiệm chi phí sản xuất và tiết kiệm chi phí phân phối;

- Duy trì và không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, kiểm soát tốt chất lượng phôi thép trước khi sản xuất, quyết tâm giảm thiểu sản phẩm lỗi, hỏng. Tiếp tục đẩy mạnh sản xuất các sản phẩm thép Tổng công ty có thế mạnh.

- Xây dựng và ban hành các Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế Tài chính, Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế công bố thông tin, Quy chế quản lý cán bộ, Quy chế quản lý vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác của Tổng công ty Thép Việt

Nam – CTCP cho phù hợp với các quy định mới của Chính phủ, Bộ ngành có liên quan và phù hợp với Điều lệ Tổng công ty.

3. Chiến lược phát triển và tầm nhìn đến năm 2025

Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP đã xác định tầm nhìn và mục tiêu chiến lược đến 2025 là trở thành Tổng công ty thép liên hợp hàng đầu Việt Nam với định hướng hoạt động chủ đạo là tập trung cho sản xuất kinh doanh ngành thép là ngành cốt lõi, đồng thời khai thác giá trị của các tài sản không cốt lõi để mở rộng sản xuất kinh doanh thép.

Để đạt được mục tiêu trên, Tổng công ty Thép Việt Nam – CTCP đã xây dựng một chiến lược tổng thể là thiết lập một hệ thống sản xuất kinh doanh cốt lõi tích hợp từ nguyên liệu thô cho đến bán hàng và phân phối sản phẩm.

▪ Về danh mục sản phẩm – dẫn đầu ở các sản phẩm thép dài và thép dẹt với thị phần mục tiêu 40%

- Xây dựng danh mục sản phẩm cân đối giữa thép dài và thép dẹt, gắn chặt với các ngành có tốc độ tăng trưởng cao, cụ thể là các ngành xây dựng, vận tải, máy móc...

- Đối với sản phẩm thép dài: củng cố vị trí dẫn đầu ở sản phẩm thép dài thông thường và đa dạng hóa sang thép hình cỡ lớn/trung, nắm bắt cơ hội tăng trưởng từ các ngành xây dựng cao ốc, hạ tầng cơ sở và đóng tàu;

- Đối với sản phẩm thép dẹt: tập trung sản xuất và xác lập vị trí ở mảng HRC mở rộng sang các sản phẩm hạ nguồn (CRC và thép mạ) phục vụ các ngành công nghiệp và vận tải; XD vị thế ở mảng thép tấm để nắm bắt cơ hội ở các ngành đóng tàu và xây dựng.

▪ Về công suất sản xuất thép – đạt khả năng cạnh tranh về chi phí và quy mô vận hành hiệu quả:

- Tối đa hóa hiệu suất quy mô và tạo lập giá trị của các dự án sản xuất thép sử dụng nguồn quặng sắt từ các mỏ quặng sắt Quý Sa, Tiến Bộ và Thạch Khê;

- Tìm nguồn thép bán thành phẩm với chi phí cạnh tranh thông qua các hợp đồng nhập khẩu dài hạn từ các khu vực có sự dư thừa công suất như Nhật Bản và CIS; đồng thời tiếp tục theo đuổi các phương án sản xuất thép liên hợp để tự cung ứng nguồn phôi;

- Cải thiện hiệu suất vận hành với quy mô hiệu quả, chi phí thấp thông qua việc nâng cấp TISCO.

▪ Về bán hàng và phân phối – đạt năng lực phân phối ưu việt và cung cấp các dịch vụ giá trị gia tăng

- Thiết lập hệ thống bán hàng với độ phủ sâu và rộng trên phạm vi toàn quốc;

- Xây dựng hình ảnh thương hiệu mạnh của Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP trong tương tác với khách hàng;

- Cải thiện năng lực bán hàng, có chính sách định giá hợp lý, kỹ năng bán hàng và tiếp thị siêu việt với hệ thống quản lý khách hàng quan trọng;

- Tăng thêm các dịch vụ giá trị gia tăng, ví dụ: cắt, mạ thép...

Việc thực thi một chiến lược tổng thể này sẽ giúp Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP đạt được vị thế dẫn đầu ngành thép và tạo lập được giá trị cao cho doanh nghiệp.

4. Thông tin cổ phần

- **Vốn điều lệ** : 6.780.000.000.000 đồng
- **Cổ phiếu lưu hành** : 678.000.000 cổ phiếu
- **Cổ phiếu quỹ** : 0 cổ phiếu
- **Cơ cấu vốn cổ phần** (tại thời điểm ngày 31/12/2012)

	Cổ đông	Số cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ
I. Cổ đông tổ chức				
1. Trong nước		25	673.954.034	99,4%
2. Nước ngoài		0	0	0,0%
II. Cổ đông cá nhân				
1. Trong nước		1.388	3.545.966	0,5%
2. Nước ngoài		1	500.000	0,1%
Tổng số		1.328	678.000.000	100%

IV. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

1. Sơ đồ tổ chức



2. Hội đồng Quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý của Tổng công ty, chịu trách nhiệm triển khai các Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Bên cạnh đó, Hội đồng quản trị có quyền quyết định và thực hiện tất cả các quyền nhân danh Tổng công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người do Đại hội đồng cổ đông bầu và miễn nhiệm. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 năm, thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với nhiệm kỳ không hạn chế và tuân theo nguyên tắc kế thừa, với số thành viên mới không quá 3/5.

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên Tổng công ty Thép Việt Nam – CTCP ngày 26/6/2012 và căn cứ tình hình kinh doanh thực tế của Tổng công ty, quỹ tiền lương cho ủy viên Hội đồng quản trị chuyên trách và thù lao cho ủy viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm trong năm 2012 là: 1.409.400.000 đồng = 87,2% so với Kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2012 thông qua.

▪ Thành viên Hội đồng Quản trị:

1. Ông Mai Văn Tinh Chủ tịch Hội đồng quản trị (Nghỉ hưu từ 01/01/2013)
2. Ông Đặng Thúc Kháng Chủ tịch Hội đồng quản trị (Từ 01/01/2013)
3. Ông Lê Phú Hưng Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc
4. Ông Vũ Bá Ôn Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc
5. Ông Nguyễn Minh Xuân Ủy viên Hội đồng quản trị

✚ Ông Mai Văn Tinh – Chủ tịch Hội đồng quản trị (Nghỉ hưu từ 01/01/2013)

- Sinh năm: 11/12/1952
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư luyện kim, cử nhân luật
- Kinh nghiệm công tác:
- Từ 1/1975: Công ty Gang thép Thái Nguyên
- Từ 4/1995: Tổng công ty Thép Việt Nam
- + 10/2001-10/2003: Giám đốc Công ty Kim khí TP Hồ Chí Minh.
- + Từ 9/2003: Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Thép Việt Nam; 1/2006: Bí thư Đảng ủy cơ quan Tổng công ty, Ủy viên BCS Đảng Tổng công ty.
- + 26/3/2007- 31/12/2012: Bí thư Đảng ủy Tổng công ty Thép Việt Nam; Chủ tịch HĐQT.

- Từ ngày 01/01/2013: Nghỉ hưu theo chế độ.

✚ Ông Đặng Thúc Kháng – Chủ tịch Hội đồng quản trị (Từ ngày 01/01/2013)

- Sinh năm: 30/4/1958
- Trình độ chuyên môn: cử nhân tài chính kế toán
- Kinh nghiệm công tác:

- 6/1982-5/1985: Cán bộ Ban tài chính giá cả Sở Tài chính Lai Châu
- 6/1985-10/1985: Liên hiệp cung ứng VTKV4, Bộ Vật tư
- 11/1985-12/1990: Công ty Vật tư thứ liệu TW
- + 1987-1990: Phó phòng Tài chính kế toán
- 1/1991-Nay: Tổng công ty Kim khí, nay là Tổng công ty Thép Việt Nam
- + 1993-1998: Phó phòng TCKT - Tổng công ty Thép Việt Nam
- + 1/1999-8/2005: Trưởng phòng TCKT, Kế toán trưởng Tổng công ty
- + Từ 8/2005: Ủy viên HĐQT, Trưởng Ban Kiểm soát Tổng công ty.
- Từ 9/2011-31/12/2012: UV HĐQT Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP
- Từ ngày 01/01/2013: Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty Thép Việt Nam – CTCP.

✦ Ông Lê Phú Hưng – Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc

- Sinh năm: 16/01/1962
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện
- Kinh nghiệm công tác:
- 1984 - 1990: NV, Phó quản đốc PX luyện thép Nhà máy Thép Tân Bình
- 02/1990 - 8/1995: Kỹ thuật viên, Quản đốc PX Cơ điện nhà máy thép Thủ Đức
- 09/1995 - 10/2006: Phó Tổng giám đốc - Công ty LD Tôn Phương Nam
- 11/2006 - 04/2007: Công ty thép Miền Nam
- (đã từng giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc; Quyền Tổng giám đốc)
- Từ 01/5/2007 – 31/12/2012: Tổng công ty Thép Việt Nam
- (giữ các chức vụ: UV HĐQT, Phó Tổng giám đốc; Quyền Tổng giám đốc)
- + 5/2011: UV HĐQT, Tổng giám đốc Tổng công ty Thép Việt Nam
- + 9/2011 – 31/12/2012: Phó Bí thư Đảng uỷ, UV HĐQT, Tổng giám đốc Tổng công ty Thép Việt Nam – CTCP

✦ Ông Vũ Bá Ổn – Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc

- Sinh năm: 26/3/1958
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí động lực
- Kinh nghiệm công tác:
- 02/1981 - 9/1985: Cán bộ kỹ thuật - Liên hiệp cung ứng Vật tư khu vực 4; Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Liên hiệp
- 10/1985 - 6/1988: Công ty Vật tư thứ liệu Trung ương
- (đã từng giữ chức vụ Phó phòng Kỹ thuật - QLK)
- 7/1988 - 6/1999: Trưởng phòng Tổ chức Hành chính Công ty Vật tư thứ liệu Hà Nội (sau là Công ty Kinh doanh Thép và Vật tư Hà Nội); Ủy viên BCH Đảng uỷ, Chủ tịch Công đoàn Công ty

- 7/1999 - 3/2004: Phó giám đốc, Phó Bí thư đảng uỷ, Chủ tịch Công đoàn Công ty Kinh doanh Thép và Vật tư Hà Nội (sau là Công ty Kim khí Hà Nội); Ủy viên BCH đảng uỷ Khối Công nghiệp Hà Nội, Ủy viên BCH Công đoàn Tổng công ty Thép Việt Nam

- 4/2004 - nay: Tổng công ty Thép Việt nam

(đã từng giữ các chức vụ: Chánh Văn phòng; Ủy viên BCH Công đoàn Tổng công ty; Trưởng phòng Tổ chức Lao động Tổng công ty; Phó bí thư đảng uỷ Cơ quan Tcty, Ủy viên Ban cán sự đảng Tổng công ty; Phó tổng giám đốc Tổng công ty; Ủy viên BTV, Chủ nhiệm UBKT Đảng uỷ Tổng công ty; từ tháng 4/2008 là Ủy viên BTV Công đoàn Tổng công ty)

+ 9/2010: Phó Bí thư Thường trực Đảng uỷ Tổng công ty

+ 8/2011: Ủy viên Hội đồng quản trị Tổng công ty.

- 9/2011-31/12/2012: Phó Bí thư TT, UV HĐQT, Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Thép Việt Nam – CTCP.

Ông Nguyễn Minh Xuân – Ủy viên Hội đồng Quản trị

- Sinh năm: 06/4/1958

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, Thạc sỹ quản trị kinh doanh

- Kinh nghiệm công tác:

- 1981-1986: Xưởng phó xưởng gia công chế biến vật tư - LHCUVT khu vực V

- 9/1986-12/1994: Phó giám đốc, Giám đốc, Đảng uỷ viên Cty VTTL Đà Nẵng

- 12/1994-12/1996: Phó giám đốc -Công ty KK và VTTH miền Trung

- 01/1997-12/2003: Giám đốc Công ty VTTBCN (Công ty KD thép và TBCN)

- 01/2004-12/2005: Giám đốc Công ty KK TP. HCM, Phó bí thư Đảng uỷ

- 01/2006- 31/12/2012: Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc Công ty CP KK TP. HCM, Bí thư Đảng uỷ công ty

+ Từ 03/2007: Ủy viên Hội đồng quản trị Tổng công ty Thép Việt Nam (từ 9/2011 là Tổng công ty Thép Việt Nam – CTCP)

3. Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu bằng hình thức bỏ phiếu trực tiếp tại Đại hội. Ban Kiểm soát bao gồm 05 thành viên, trong đó có 04 thành viên chuyên trách. Ban Kiểm soát có nhiệm kỳ 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Ban Kiểm soát là cơ quan giám sát của Đại hội đồng cổ đông, có quyền kiểm tra, giám sát mọi hoạt động của Tổng công ty.

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thành lập Tổng công ty Thép Việt Nam – CTCP ngày 20/9/2011 và căn cứ tình hình kinh doanh thực tế của Tổng công ty, quỹ tiền lương cho ủy viên Ban kiểm soát chuyên trách và thù lao cho ủy viên Ban kiểm soát kiêm nhiệm trong năm 2012 là: 934.200.000 đồng = 87,2% so với Kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2012 thông qua.

Thành viên Ban Kiểm soát

1. Ông Nguyễn Tiến Thắng - Trưởng Ban Kiểm soát

2. Ông Đỗ Hiếu Thuận - Ủy viên Ban Kiểm soát

3. Ông Đỗ Văn Cường - Ủy viên Ban Kiểm soát

4. Ông Nguyễn Văn Tráng - Ủy viên Ban Kiểm soát

5. Ông Hoàng Anh Tuấn - Ủy viên Ban Kiểm soát

✚ **Ông Nguyễn Tiến Thắng – Trưởng Ban Kiểm soát**

- Sinh năm: 20/01/1956

- Trình độ chuyên môn: cử nhân kinh tế

- Kinh nghiệm công tác:

- Từ tháng 8/1973 đến tháng 11/1977 tham gia quân đội

- Từ tháng 12/1977 đến tháng 9/1978 công tác tại Ủy ban Vật giá tỉnh Bắc Thái.

- Từ tháng 9/1978 đến tháng 2/1983 Sinh viên trường Đại học Kinh tế kế hoạch Hà Nội.

- Từ tháng 3/1983 đến tháng 11/1987 công tác tại Ủy ban Vật giá tỉnh Bắc Thái. Từ tháng 9/1985 Phó Trưởng phòng Giá Tư liệu Tiêu dùng của UBVG tỉnh Bắc Thái.

- Từ tháng 12/1977 đến 12/1990 công tác tại Công ty Vật tư thứ liệu Trung ương. Là chuyên viên rồi Phó Trưởng phòng KTTV Công ty Vật tư thứ liệu Trung ương.

- Từ tháng 1/1991 đến tháng 9/1996 phụ trách kế toán tại Xí nghiệp KDKT Vật tư thứ liệu – Tổng công ty Kim khí sau đó chuyển đổi thành xí nghiệp Dịch vụ Vật tư Tổng Công ty Thép Việt Nam. Là Phó Trưởng phòng kế toán Xí nghiệp.

- Từ tháng 10/1996 đến tháng 8/2008 Là Ủy viên Ban kiểm soát Tổng công ty Thép Việt Nam.

- Từ Tháng 9/2008- 30/9/2011: Phó Trưởng phòng Tổ chức Lao động – Tổng công ty Thép Việt Nam, Đảng ủy viên Đảng ủy Tổng công ty.

- Từ 9/2011-31/12/2012: Trưởng Ban kiểm soát Tổng công ty Thép Việt Nam – CTCP

✚ **Ông Đỗ Hiếu Thuận – Ủy viên Ban Kiểm soát**

- Sinh năm: 01/02/1956

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

- Kinh nghiệm công tác:

- Từ 1974-1978: tham gia quân đội

- Từ tháng 11/1978-1986: xuất ngũ, đi học ngoại ngữ tại Đại học Tổng hợp TP. HCM; Học viện quan hệ quốc tế Matxcova

- Từ tháng 11/1987-11/1988: Tổng công ty xuất nhập khẩu khoáng sản

- Từ tháng 12/1988-3/1991: Tổng công ty Kim khí

- 4/1991-12/1997: Đại diện thương mại của Tổng công ty Thép VN tại Matxcova

- 01/1998-31/12/2012: Tổng công ty Thép Việt Nam

+ 11/2005: thành viên chuyên trách Ban kiểm soát Tổng công ty Thép VN

- Từ 9/2011-31/12/2012: thành viên chuyên trách BKS Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP

✚ **Ông Đỗ Văn Cường – Ủy viên Ban Kiểm soát**

- Sinh năm: 17/4/1976
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, Thạc sỹ quản trị kinh doanh
- Kinh nghiệm công tác:
- 01/1999-8/2000: Kế toán tại Công ty Xe máy - xe đạp Thống Nhất
- 8/2000-nay: Tổng công ty Thép Việt Nam

(Chuyên viên phòng Tài chính kế toán; Từ 10/2005: Thành viên chuyên trách Ban kiểm soát Tổng công ty Thép Việt Nam)

- 9/2011-31/12/2012: Thành viên chuyên trách BKS Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP

✚ **Ông Nguyễn Văn Tráng – Ủy viên Ban Kiểm soát**

- Sinh năm: 15/5/1958
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư luyện kim đen
- Kinh nghiệm công tác:
- 1984-1987: Nhà máy luyện thép Lưu Xá, Công ty GTTN
- 1987- 1988: Xí nghiệp XD Huyện Ứng Hoà, Hà Nội
- 1988-1991: Xí nghiệp CKNN Huyện Ứng Hoà, Hà Nội
- 11/1991-7/2006: Nhà máy luyện gang - Công ty GTTN

(đã từng đảm nhận các công việc: phó ca, trưởng ca, trạm trưởng, phó quản đốc, phó phòng kỹ thuật)

- 7/2006-11/2007: Ban quản lý dự án Công ty Gang thép Thái Nguyên
- 11/2007-31/12/2012: Thành viên chuyên trách BKS Tổng công ty Thép VN
- 9/2011-31/12/2012: Thành viên chuyên trách BKS Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP

✚ **Ông Nguyễn Anh Tuấn – Ủy viên Ban Kiểm soát**

- Sinh năm: 21/12/1979
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế
- Kinh nghiệm công tác:
- 9/2002-3/2005: Ngân hàng Công Thương Việt Nam, cán bộ phòng định chế Tài chính và Ban QLDA hiện đại hoá
- 4/2005-10/2010: Ngân hàng Công Thương Việt Nam: đã giữ các chức vụ: Thư ký Tổng giám đốc, thư ký HĐQT, Phó phòng Đầu tư, Trưởng ban trừ bị thành lập Công ty QLQ
- 11/2010-nay: Tổng giám đốc Công ty TNHH TMV Quản lý quỹ NHTMCP Công Thương Việt Nam.

+ 9/2011-31/12/2012: Thành viên Ban kiểm soát Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP

4. Ban Tổng giám đốc

Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm sau khi đã bầu xong Chủ tịch Hội đồng quản trị. Tổng giám đốc điều hành hoạt động hàng ngày của Tổng công ty, là người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, trước pháp luật về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao.

Các Phó Tổng giám đốc có trách nhiệm chủ động giải quyết các công việc được Tổng giám đốc phân công và phối hợp thực hiện các công việc có liên quan; chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công.

▪ Thành viên Ban Tổng giám đốc

- | | |
|--------------------------|---------------------|
| 1. Ông Lê Phú Hưng | - Tổng giám đốc |
| 2. Ông Nghiêm Xuân Đa | - Phó Tổng giám đốc |
| 3. Ông Vũ Bá Ôn | - Phó Tổng giám đốc |
| 4. Ông Nguyễn Trọng Khôi | - Phó Tổng giám đốc |
| 5. Ông Trần Tất Thắng | - Phó Tổng giám đốc |
| 6. Ông Bùi Văn Hùng | - Phó Tổng giám đốc |
| 7. Ông Huỳnh Công Du | - Phó Tổng giám đốc |

✚ Ông Lê Phú Hưng – Tổng giám đốc

(Chi tiết xem tại Mục 3 “Hội đồng quản trị”)

✚ Ông Nghiêm Xuân Đa – Phó Tổng giám đốc

- Sinh năm: 29/5/1966
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế - tài chính
- Kinh nghiệm công tác:
 - 11/1990-11/1995: Viện nghiên cứu mỏ và luyện kim, nghiên cứu viên
 - 12/1995-9/1996: chuyên viên, Ban quản lý dự án mỏ Thạch Khê, Tcty Thép VN
 - 9/1996-9/1999: Phó trưởng Ban, Ban quản lý Dự án mỏ quặng sắt Thạch Khê, Tcty Thép VN
 - 9/1999-8/2005: phó trưởng phòng TCKT Tcty
 - 8/2005-01/2006: Quyền Trưởng phòng TCKT
 - 01/01/2006-01/8/2006: Trưởng phòng TCKT Tcty
 - 01/8/2006-01/9/2011: Kế toán trưởng TCTy
 - 01/9/2011: Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Thép Việt Nam
 - 10/2011- 31/12/2012: Phó Tổng giám đốc - Tổng công ty Thép Việt Nam – CTCP

✦ Ông Vũ Bá Ôn – Phó Tổng Giám đốc

(Chi tiết xem tại Mục 4 “Hội đồng Quản trị”)

✦ Ông Nguyễn Trọng Khôi - Phó Tổng Giám đốc

- Sinh năm: 20/10/1957
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư luyện kim
- Kinh nghiệm công tác:
 - 1975-1980: Sư đoàn 371 Không quân
 - 8/1980-10/1985: Học tại Đại học Bách Khoa - Hà Nội
 - 11/1985-6/2003: Công ty gang thép Thái Nguyên
 - + 8/1990-1998: Phó giám đốc, Giám đốc Nhà máy luyện gang
 - + 1/1999- 6/2003: Phó Tổng giám đốc - Công ty gang thép Thái Nguyên
 - 7/2003- 30/9/2011: Phó Tổng giám đốc - Tổng công ty Thép VN
 - 10/2011- nay: Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Thép VN – CTCP

✦ Ông Trần Tất Thắng - Phó Tổng giám đốc

- Sinh năm: 24/11/1956
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư luyện kim đen
- Kinh nghiệm công tác:
 - Từ 1/1975-12/1976 Công ty Gang thép Thái Nguyên
 - 12/1979-3/2009: Nhà máy luyện thép:
 - + 11/1988-11/1992: Phó quản đốc phân xưởng luyện thép
 - + 11/1992-12/1993: Phó phòng kỹ thuật, Bí thư chi bộ cơ quan
 - + 12/93-3/1999: Trưởng phòng kỹ thuật
 - + 5/2000- 8/2002: Phó giám đốc
 - + 8/2002-3/2009: Giám đốc nhà máy luyện thép
 - Từ 4/2009-30/9/2011: Phó Tổng giám đốc - Tổng công ty Thép Việt Nam.
 - 10/2011- nay: Phó Tổng giám đốc - Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP

✦ Ông Bùi Văn Hùng – Phó Tổng Giám đốc

- Sinh năm: 30/8/1959
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư luyện kim
- Kinh nghiệm công tác:
 - 11/1983-10/1986: Kỹ sư cán thép – Nhà máy thép Nhà Bè
 - 11/1986-5/1988: Phó quản đốc – PX cán thép – NM thép Nhà Bè
 - 6/1988-9/1992: quản đốc PX cán thép – NM thép Nhà Bè
 - 10/1992: phó phòng kỹ thuật cơ điện – NM thép Nhà Bè

- 11/1992-8/1998: Trưởng phòng Kỹ thuật cơ điện – NM thép Nhà Bè
- 9/1998-8/2003: Phó giám đốc NM thép Nhà Bè
- 9/2003-6/2007: Giám đốc NM thép Phú Mỹ
- 7/2007-11/2007: Giám đốc Công ty thép miền Nam
- 12/2007: Giám đốc Cty thép Biên Hoà
- 01/2008-10/2010: Tổng giám đốc Cty CP thép Biên Hoà
- 01/10/2010-30/9/2011: Phó Tổng giám đốc Tcty Thép Việt Nam
- 10/2011-nay: Phó Tổng giám đốc - Tổng công ty Thép Việt Nam – CTCP

✚ **Ông Huỳnh Công Du – Phó Tổng giám đốc (Từ ngày 01/01/2013)**

- Sinh năm: 13/01/1966
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư luyện cán thép, Cử nhân kinh tế
- Kinh nghiệm công tác:
 - 4/1991 đến 01/1993: Kỹ sư tập sự tại nhà máy Thép Biên Hoà
 - 01/1993 đến 8/1998: Kỹ thuật viên, Phó Quản đốc, Quản đốc PX Cán -nhà máy Thép Biên Hoà
 - 08/1998 đến 04/2000: Phó Giám đốc nhà máy Thép Biên Hoà
 - 04/2000 đến 04/2002: Phó phòng Kỹ thuật nhà máy Thép Miền Nam
 - 04/2002 đến 04/2004: Phó Giám đốc BQL Dự án Thép Cán nguội Phú Mỹ
 - 04/2004 đến 04/2007: Phó Giám đốc Công ty thép tấm Lá Phú Mỹ
 - 5/2007 đến 02/2009: Phó Tổng giám đốc thứ 1 Công ty cổ phần Essar Việt nam.
 - 3/2009 đến 01/2011: Tổng giám đốc công ty cổ phần thép Tấm lá Thống nhất.
 - 02/2011 đến 31/12/2012: Giám đốc Công ty thép tấm lá Phú mỹ.

5. Chính sách phát triển nguồn nhân lực

▪ Số lượng lao động

Tổng số lao động tại thời điểm 31/12/2012 là 1.400 người (công ty mẹ), trong đó:

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Phân theo trình độ		
Cán bộ có trình độ đại học và trên đại học	605	45%
Cán bộ có trình độ cao đẳng và trung cấp	337	25%
Công nhân kỹ thuật	337	25%
Nhân viên phục vụ	67	5%
Phân theo loại hợp đồng		
Lao động hợp đồng không xác định thời hạn	1010	75%
Lao động hợp đồng từ 1 - 3 năm	330	34,6%
Lao động hợp đồng dưới 1 năm	6	0,4%

▪ Chính sách lương, thưởng và phúc lợi

* Chế độ lương và phụ cấp:

Tổng công ty thực hiện việc chi trả lương theo các nội dung sau:

- Từ khi cổ phần hóa, Tổng công ty đã đăng ký với Sở LĐTBXH Hà Nội và được chấp thuận tiếp tục thực hiện hệ thống thang, bảng lương đối với Công ty Nhà nước (hạng đặc biệt) theo Nghị định 204/NĐ-CP, Nghị định 205/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ.

- Vận dụng các quy định về chế độ chính sách tiền lương của Nhà nước như đối với Công ty TNHH 1 thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu, bao gồm: Xếp lương, thực hiện các khoản phụ cấp, chế độ nâng bậc lương, nâng ngạch lương và quản lý tiền lương, thu nhập theo các mức đơn giá tiền lương được giao, đảm bảo các điều kiện về hiệu quả và năng suất lao động.

* Chính sách khen thưởng:

- Thực hiện chế độ thưởng từ quỹ lương đối với CBCNV có thành tích xuất sắc trong SXKD, được xây dựng và thực hiện thống nhất theo các quy chế nội bộ tại đơn vị.

- Thực hiện chế độ khen thưởng thành tích thi đua theo quy định tại Luật Thi đua khen thưởng.

- Chế độ thưởng sáng kiến tiết kiệm theo Quy chế của Tổng công ty.

* Bảo hiểm và phúc lợi:

- Thực hiện đầy đủ các chính sách chế độ về BHXH, BHYT, BHTN theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

- Phối hợp với Cty BH Pjico triển khai gói Bảo hiểm sức khỏe 24/24 đối với toàn thể CBCNV Công ty mẹ.

- Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách phúc lợi đối với CBCNV: Nghỉ mát, thăm hỏi ốm đau, hiếu hỷ.....

* Chế độ nghỉ phép, lễ tết:

- Thực hiện bố trí lao động nghỉ phép, lễ tết..... đúng ngày, hoặc luân phiên đảm bảo đúng chế độ quy định

▪ Chính sách đào tạo nguồn nhân lực

Tuyển dụng:

Mục tiêu tuyển dụng của Tổng công ty là thu hút nhân sự có năng lực vào làm việc tại Tổng công ty nhằm đáp ứng nhu cầu mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Tùy theo từng vị trí cụ thể mà Tổng công ty đề ra những tiêu chuẩn riêng, song tất cả các chức danh đều phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản như: trình độ chuyên môn, tốt nghiệp đúng chuyên ngành, năng động, nhiệt tình, có ý thức sáng tạo... Đối với các vị trí quan trọng, thì có những tiêu chuẩn khắt khe về kinh nghiệm công tác, khả năng phân tích, quản lý....

Đào tạo:

Tổng Công ty luôn coi trọng nguồn nhân lực là tài sản quý giá nhất của doanh nghiệp và để phát huy hiệu quả nguồn vốn quý này, Tổng công ty đã chú trọng việc đào tạo, phát triển nhân viên, luôn tạo điều kiện cho nhân viên tham gia các khóa đào tạo nội bộ và bên ngoài để nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, nhằm đáp ứng yêu cầu công việc hiện tại cũng như trong tương lai của Tổng công ty.

V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2012:

(Xem trang tiếp theo)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN NĂM 2012**(Báo cáo tài chính hợp nhất)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		10.252.241.477.908	11.779.754.196.901
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	2.397.672.839.572	1.692.820.836.798
1. Tiền	111		1.985.195.204.635	1.232.763.628.170
2. Các khoản tương đương tiền	112		412.477.634.937	460.057.208.628
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		166.295.728.386	64.200.068.195
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	166.295.728.386	64.200.068.195
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.542.245.804.899	3.814.436.127.607
1. Phải thu khách hàng	131		2.163.640.823.958	3.436.688.967.354
2. Trả trước cho người bán	132		388.074.359.035	346.025.772.800
3. Các khoản phải thu khác	135	7	102.620.820.504	102.471.751.452
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(112.090.198.598)	(70.750.363.999)
IV. Hàng tồn kho	140	8	4.343.801.867.843	5.484.097.383.940
1. Hàng tồn kho	141		4.371.403.422.604	5.489.546.142.316
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(27.601.554.761)	(5.448.758.376)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		802.225.237.208	724.199.780.361
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		117.912.752.452	31.301.263.184
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		579.540.470.751	347.856.745.141
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	9	13.925.913.106	15.867.311.223
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	10	90.846.100.899	329.174.460.813
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		15.060.345.661.129	14.417.054.204.856
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.620.635.242	939.353.544
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		5.043.778.434	3.464.556.307
2. Phải thu dài hạn khác	218		294.298.940	1.134.638.867
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(3.717.442.132)	(3.659.841.630)
II. Tài sản cố định	220		10.970.149.782.752	10.194.644.803.579
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	4.891.722.529.493	5.293.473.673.375
- Nguyên giá	222		10.147.194.236.684	10.061.954.079.554
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.255.471.707.191)	(4.768.480.406.179)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	941.757.731.184	969.785.636.233
- Nguyên giá	228		1.010.841.271.649	1.038.398.720.269
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(69.083.540.465)	(68.613.084.036)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	13	5.136.669.522.075	3.931.385.493.971
III. Bất động sản đầu tư	240	14	128.486.673.801	130.742.639.967
- Nguyên giá	241		156.119.873.971	141.623.274.876
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(27.633.200.170)	(10.880.634.909)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		3.138.933.936.134	3.155.834.481.616
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	16	2.907.696.575.092	2.629.695.664.741
2. Đầu tư dài hạn khác	258	17	240.147.183.420	540.388.431.078
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	17	(8.909.822.378)	(14.249.614.203)
V. Tài sản dài hạn khác	260		821.154.633.200	934.892.926.150
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	18	806.816.504.660	925.839.643.579
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1.052.718.693	1.514.799.465
3. Tài sản dài hạn khác	268		13.285.409.847	7.538.483.106
C. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI	269	19	12.069.590.998	14.179.845.444
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200+269)	270		25.324.656.730.035	26.210.988.247.201

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		17.708.478.512.385	18.206.912.913.746
I. Nợ ngắn hạn	310		12.451.067.508.812	13.530.528.293.920
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	20	8.723.713.493.086	10.168.536.633.485
2. Phải trả người bán	312		2.465.960.092.502	2.042.553.733.251
3. Người mua trả tiền trước	313		39.965.450.003	41.356.511.815
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	21	80.237.226.129	88.153.352.148
5. Phải trả người lao động	315		157.206.179.644	189.530.319.991
6. Chi phí phải trả	316	22	139.994.216.516	192.778.863.453
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	23	752.623.160.769	729.794.828.620
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	2.031.909.250
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		91.367.690.163	75.792.141.907
II. Nợ dài hạn	330		5.257.411.003.573	4.676.384.619.826
1. Phải trả dài hạn người bán	331		27.633.220	124.009.617
2. Phải trả dài hạn khác	333	24	621.562.366.064	647.789.525.460
3. Vay và nợ dài hạn	334	25	4.625.710.644.621	4.022.204.126.636
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		901.202.386	901.202.386
5. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	3.115.637.312
6. Doanh thu chưa thực hiện	338		9.209.157.282	2.250.118.415
B. NGUỒN VỐN (400= 410)	400		6.385.490.753.354	6.750.941.712.009
I. Vốn chủ sở hữu	410	26	6.385.490.753.354	6.750.941.712.009
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		6.780.000.000.000	6.780.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	413		9.723.848.379	9.760.606.947
3. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		(2.603.866.266)	(2.737.402.134)
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		2.929.210.151	3.214.842.204
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		32.235.509.482	5.969.693.535
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		3.244.426.276	127.498.259
7. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		808.435.595	253.064.315
8. Lỗ lũy kế	420		(440.846.810.263)	(45.646.591.117)
C. LỢI ÍCH CÔ ĐỒNG THIỂU SỐ	439		1.230.687.464.296	1.253.133.621.446
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400+439)	440		25.324.656.730.035	26.210.988.247.201

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2012

(Báo cáo tài chính hợp nhất)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2012	2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		29.213.368.231.954	31.741.850.324.147
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		123.371.484.607	306.747.867.912
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	28	29.089.996.747.347	31.435.102.456.235
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	29	27.624.045.629.841	28.767.627.058.883
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		1.465.951.117.506	2.667.475.397.352
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	293.156.848.811	430.598.066.946
7. Chi phí tài chính	22	32	1.295.784.850.427	1.964.567.110.496
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.240.385.965.680	1.516.270.924.606
8. Chi phí bán hàng	24		283.701.232.297	292.011.155.369
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		718.435.887.172	771.526.365.465
10. (Lỗ)/lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-(24+25))	30		(538.814.003.579)	69.968.832.968
11. Thu nhập khác	31		159.301.893.161	103.826.190.293
12. Chi phí khác	32		30.627.750.266	28.279.036.426
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	33	128.674.142.895	75.547.153.867
14. Phần lãi trong công ty liên kết	45		94.273.500.598	173.791.310.242
15. Tổng (lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		(315.866.360.086)	319.307.297.077
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	34	27.027.929.377	94.169.527.626
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		462.080.772	764.327.799
18. (Lỗ)/lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(343.356.370.235)	224.373.441.652
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		33.725.063.714	88.399.140.692
18.2. (Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	62		(377.081.433.949)	135.974.300.960
19. (Lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	35	(556)	201

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN NĂM 2012
(Báo cáo tài chính Công ty mẹ - Tổng công ty)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		5.034.672.551.627	5.923.165.024.262
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	1.682.497.497.474	965.686.292.808
1. Tiền	111		1.436.780.437.474	636.715.067.808
2. Các khoản tương đương tiền	112		245.717.060.000	328.971.225.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		152.481.276.063	53.000.336.445
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	152.481.276.063	53.000.336.445
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.200.746.465.971	1.872.546.152.580
1. Phải thu khách hàng	131		970.329.781.130	1.589.820.520.165
2. Trả trước cho người bán	132		92.289.547.639	47.408.156.678
3. Các khoản phải thu khác	135	7	164.614.508.348	235.317.475.737
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(26.487.371.146)	-
IV. Hàng tồn kho	140	8	1.430.131.434.472	2.444.346.240.034
1. Hàng tồn kho	141		1.438.733.882.584	2.444.346.240.034
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(8.602.448.112)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		568.815.877.647	587.586.002.395
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		10.191.025.983	23.664.173.102
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		508.929.365.441	287.590.398.890
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	9	11.064.313.806	10.086.050.212
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	10	38.631.172.417	266.245.380.191
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+240+250+260)	200		9.571.927.245.024	10.022.662.239.563
I. Tài sản cố định	220		3.668.776.102.901	3.965.197.639.482
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	2.878.334.899.140	3.126.292.096.421
- Nguyên giá	222		5.405.462.603.723	5.415.654.240.596
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.527.127.704.583)	(2.289.362.144.175)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	762.201.118.379	787.799.300.766
- Nguyên giá	228		769.241.983.455	795.875.069.045
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(7.040.865.076)	(8.075.768.279)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	13	28.240.085.382	51.106.242.295
II. Bất động sản đầu tư	240	14	3.952.150.974	-
- Nguyên giá	241		14.496.599.095	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(10.544.448.121)	-
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		5.396.333.647.339	5.538.275.986.954
1. Đầu tư vào công ty con	251	15	2.661.633.588.339	2.725.878.952.604
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	16	2.775.050.381.673	2.510.465.483.015
3. Đầu tư dài hạn khác	258	17	175.447.124.346	467.287.600.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	18	(215.797.447.019)	(165.356.048.665)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		502.865.343.810	519.188.613.127
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	19	501.386.847.159	517.828.116.476
2. Tài sản dài hạn khác	268		1.478.496.651	1.360.496.651
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		14.606.599.796.651	15.945.827.263.825

A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		8.359.109.414.833	9.159.793.232.589
I. Nợ ngắn hạn	310		6.833.896.972.492	7.683.070.025.367
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	20	4.498.580.485.331	5.802.250.350.231
2. Phải trả người bán	312		1.571.430.974.573	1.078.619.724.111
3. Người mua trả tiền trước	313		19.020.683.009	5.652.406.142
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	21	28.884.840.023	14.753.298.946
5. Phải trả người lao động	315		32.719.557.179	24.452.606.889
6. Chi phí phải trả	316	22	41.785.614.762	131.566.119.666
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	23	621.643.842.953	597.373.292.834
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		19.830.974.662	28.402.226.548
II. Nợ dài hạn	330		1.525.212.442.341	1.476.723.207.222
1. Phải trả dài hạn khác	333	24	603.952.693.613	631.094.940.713
2. Vay và nợ dài hạn	334	25	912.986.294.272	844.026.235.618
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	(12.806.266)
4. Doanh thu chưa thực hiện	338		8.273.454.456	1.614.837.157
B. NGUỒN VỐN (400 = 410)	400		6.247.490.381.818	6.786.034.031.236
I. Vốn chủ sở hữu	410	26	6.247.490.381.818	6.786.034.031.236
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		6.780.000.000.000	6.780.000.000.000
2. (Lỗ lũy kế)/Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(532.509.618.182)	6.034.031.236
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		14.606.599.796.651	15.945.827.263.825

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2012 (Báo cáo tài chính Công ty mẹ - Tổng công ty)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2012	2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	27	14.749.218.889.966	14.800.279.908.506
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	27	96.210.707.114	277.657.637.226
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	27	14.653.008.182.852	14.522.622.271.280
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	28	14.414.870.679.911	13.523.850.283.030
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		238.137.502.941	998.771.988.250
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	230.436.010.602	637.751.825.981
7. Chi phí tài chính	22	31	742.195.324.217	1.348.610.731.255
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		662.777.628.034	876.333.495.162
8. Chi phí bán hàng	24		94.242.377.071	79.833.028.390
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		255.926.335.446	254.845.607.881
10. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-(24+25))	30		(623.790.523.191)	(46.765.553.295)

11. Thu nhập khác	31	32	98.287.468.838	537.207.968.387
12. Chi phí khác	32	32	12.924.198.611	10.029.073.108
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	32	85.363.270.227	527.178.895.279
14. (Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		(538.427.252.964)	480.413.341.984
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	33	-	-
16. (Lỗ)/lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51)	60		(538.427.252.964)	480.413.341.984

VI. CÁC THÔNG TIN KHÁC:

Tổng công ty thép Việt Nam – CTCP trở thành công ty đại chúng theo Công văn số 460/UBCK-QLPH ngày 20 tháng 02 năm 2012 của UBCK Nhà nước về việc chấp thuận đăng ký thông tin đại chúng của Tổng công ty. Theo quy định về công bố thông tin của công ty đại chúng, Tổng công ty thép Việt Nam – CTCP phải thực hiện công bố thông tin trên website của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, và các phương tiện thông tin đại chúng khác, các thông tin về Tổng công ty Thép Việt Nam – CTCP được cập nhật và công bố kịp thời trên website của Tổng công ty: www.vnsteel.vn/.

Hà Nội, ngày 19 tháng 4 năm 2013

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Nghiêm Xuân Đa